

Số: **02** /2021/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **19** tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về hoạt động Đo đạc và bản đồ**  
**trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm Đo đạc và Bản đồ;*



✓

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 472/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2020; Báo cáo số 14/BC-STNMT ngày 12/01/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động Đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và thay thế Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động Đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KTTH, KTN(N).

13

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

## QUY ĐỊNH

Về hoạt động Đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc thống nhất công tác quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ làm tài liệu, hồ sơ khi giải quyết các thủ tục hành chính.

Quy định này không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

#### Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

1. Quyền của các tổ chức, cá nhân

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực đo đạc, bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc, bản đồ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả chi phí kiểm tra và xác nhận bản đồ hoặc lệ phí khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc, bản đồ (nếu có) theo quy định của pháp luật.



c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc, bản đồ có nguy cơ làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

#### **Điều 3. Nguyên tắc về hoạt động đo đạc và bản đồ**

1. Tổ chức, cá nhân phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do cấp có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được thực hiện công tác đo đạc, lập hoặc chỉnh lý, hiệu chỉnh sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo đúng quy định của nhà nước.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản.

#### **Điều 4. Đo đạc và thành lập các loại bản đồ**

##### 1. Cơ sở toán học

a) Bản đồ được lập ở các tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000; 1:10000 và 1:25000 trên mặt phẳng chiếu hình, ở múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 108°30' (tỉnh Đắk Nông), hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và hệ độ cao quốc gia hiện hành.

b) Thông số hệ quy chiếu và hệ tọa độ để lập bản đồ địa hình và bản đồ địa chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

2. Đối với bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý, bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên ngành thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, cơ quan chuyên ngành.

3. Đối với bản đồ hiện trạng (là bản đồ chuyên ngành, phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, thể hiện cả nội dung địa chính và các yếu tố địa hình):

- Đối với phương pháp đo vẽ trực tiếp hoặc công nghệ GNSS động (xử lý thời gian thực hoặc xử lý sau): Được áp dụng để đo vẽ bản đồ ở những nơi chưa có bản đồ địa chính.

- Đối với phương pháp đo vẽ chỉnh lý, đo vẽ bổ sung từ bản đồ địa chính: Được áp dụng ở các khu vực đã có bản đồ địa chính cùng tỷ lệ hoặc lớn hơn tỷ lệ bản đồ cần đo vẽ (chỉ áp dụng đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất), khi thành lập được sử dụng bản đồ địa chính làm nền để chỉnh lý nội dung địa chính và đo vẽ bổ sung yếu tố địa hình.

- Thể hiện ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Thể hiện nội dung địa chính theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ sử dụng đất (hoặc chủ đầu tư), địa điểm, ranh giới các thửa đất, loại đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Thể hiện nội dung địa hình theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 4. Tỷ lệ bản đồ

a) Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, căn cứ theo yêu cầu công việc cụ thể.

b) Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa chính phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

#### c) Trích đo địa chính:

- Khu vực đất phi nông nghiệp: Tỷ lệ 1:500 đối với đất đô thị; tỷ lệ 1:1.000, 1:2.000 đối với các khu vực khác;

- Khu vực đất nông nghiệp: Tỷ lệ 1:1.000; 1:2000 và tỷ lệ 1:5000;

- Khu vực đất lâm nghiệp: Tỷ lệ 1:5.000 và 1:10.000.

### **Điều 5. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán**

#### 1. Nguyên tắc về việc lập thiết kế kỹ thuật - dự toán

a) Các công trình, dự án đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện. Việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Chủ đầu tư thuê đơn vị có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ;

c) Đối với công trình, dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước, việc phê duyệt dự toán kinh phí do chủ đầu tư quyết định.

#### 2. Nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán

Nội dung Thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư

phê duyệt. Nội dung của phương án thi công theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

**Điều 6. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán**

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình Đo đạc và bản đồ

a) Công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án, công trình đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định đầu tư.

- Kết quả thẩm định là căn cứ để phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán và nghiệm thu thanh quyết toán công trình đo đạc và bản đồ theo quy định.

b) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước:

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán kinh phí công trình đo đạc và bản đồ.

2. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ

a) Đối với các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt;

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

**Điều 7. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận sản phẩm bản đồ**

1. Quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận sản phẩm bản đồ sau khi đã được kiểm tra, nghiệm thu đầy đủ theo quy định, gồm:

a) Bản đồ địa chính, trích đo địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân;

b) Bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý và quy hoạch: Xây dựng đô thị - nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường;

c) Bản đồ hiện trạng.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính gồm: Mảnh trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc do đơn vị có chức năng hành nghề đo đạc và bản đồ khác thực

hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm.

4. Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có chức năng kiểm tra phải có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư, nhưng không được kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ mà đơn vị mình thi công và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

### **Điều 8. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu Đo đạc và bản đồ**

1. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh là đơn vị được giao cung cấp thông tin tư liệu tài nguyên môi trường, cung cấp trích lục bản đồ, điểm tọa độ, trả lời thông tin về nguồn gốc đất đai, sao lục bản đồ, hồ sơ địa chính, dịch vụ khai thác thông tin đất đai và khai thác các tài liệu khác có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước**

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì triển khai tổ chức phổ biến Luật Đo đạc và bản đồ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân các huyện, thành phố Gia Nghĩa, các đơn vị có chức năng về hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các Bộ, ngành khác;

đ) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định;

- e) Kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận bản đồ theo quy định tại Điều 7 Quy định này;
- g) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định;
- h) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;
- i) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh Đắk Nông; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật;
- k) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và quản lý bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính các cấp;
- l) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ;
- m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định;
- n) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định của pháp luật.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện
- a) Chủ trì triển khai tổ chức phổ biến Luật Đo đạc và bản đồ đến Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định;
- c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- d) Hàng năm, báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã



a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến đến mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ tại địa phương;

c) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

#### 4. Trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai

Tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và sử dụng dữ liệu về đo đạc và bản đồ theo quy định.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động Đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Hướng dẫn thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *mv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**